

Bản án số 63/2026/DS-ST
Ngày 20/5/2026
(V/v T/ c Hợp đồng
Mua bán hàng hóa)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thiều Quang.

Bà Trần Thị Bắc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh không tham gia phiên tòa.

Ngày 20/5/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 350/2025/TLST- DS ngày 20/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST- DS ngày 20/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A

Trụ sở: CCN Tập đoàn A1, ấp D, xã L, tỉnh Tây Ninh .

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983(Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường M, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985(Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1982, (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, biên bản tự khai nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 04/05/2023, CHI NHÁNH H – CÔNG TY CỔ PHẦN A2(Gọi tắt là Công ty) và bà Nguyễn Thị Thu T ký kết Hợp đồng số: 426-ANVF –HĐKT về việc mua bán các loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi mang nhãn hiệu ANOVA FEED, trị giá 128,542,500 đồng. Theo Hợp đồng, thời hạn thanh toán như sau:

+ Ngày 03/02/2024 trả 40.000.000 đồng .

+ Ngày 13/02/2024 trả 69.000.000 đồng.

Về tiền chiết khấu: Công ty có trả các khoản chiết khấu cho bà **Nguyễn Thị Thu T** như sau: Số tiền 15.380.500 đồng khấu trừ chiết khấu tháng 01/2024, số tiền 4.162.000 đồng khấu trừ vào chiết khấu tháng 02/2024.

Công ty đã thực hiện giao đủ hàng hóa cho bà **T** theo đúng số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm quy định.

Sau khi khấu trừ qua các khoản chiết khấu và số tiền đại lý trả thì đến ngày 31/05/2024 bà **T** còn nợ Công ty số tiền 108.120.000 đồng .

Đến ngày 30/10/2024 sau khi khấu trừ với chiết khấu thanh lý Hợp đồng số tiền 5.117.500 đồng thì đại lý **Nguyễn Thị Thu T** – Bắc Giang còn nợ số tiền 103.002.500 đồng .

Tại đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu bà **Nguyễn Thị Thu T** phải thanh toán cho **Công ty Cổ phần A** số tiền hàng còn nợ là 103.002.500 đồng .

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty yêu cầu bà **T** và chồng là ông **Nguyễn Duy V** cùng liên đới trả 103.002.500 đồng, không yêu cầu tiền lãi suất.

2. Bị đơn là bà **Nguyễn Thị Thu T** không tham gia tố tụng, không trình bày gì..

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Nguyễn Duy V** (Chồng bà **T**) tại bản tự khai trình bày: Ông **V** và bà **Nguyễn Thị Thu T** đăng ký kết hôn năm 2009. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông **V**, bà **Thủy C** sống đến nay. Do vợ chồng kinh doanh thức ăn chăn nuôi nên ngày 04/5/2023 bà **T** ký hợp đồng kinh tế số 426-ANVF-HĐKT với **Công ty Cổ phần A- Chi nhánh H**, nội dung đúng như tại Hợp đồng trong hồ sơ vụ án. Vợ chồng ông **V**, bà **T** đã nhận hàng hóa thức ăn chăn nuôi và về cùng kinh doanh tại nhà ở **thôn H, xã C**, bán lại cho các hộ chăn nuôi trong vùng. Ông **V** cùng kinh doanh với bà **T** nên xác định số tiền trên là nợ chung của vợ chồng. Đến ngày 30/10/2024 thì ông **V** và bà **T** đã trả được 5.117.500 đồng, còn nợ Công ty 103.002.500 đồng tiền mua thức ăn chăn nuôi.

Nay Công ty yêu cầu bà **T** trả 103.002.500 đồng tiền mua thức ăn chăn nuôi thì ông **V** đồng ý liên đới trả cùng bà **T** 103.002.500 đồng tiền trên.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh không tham gia phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt ông **V**, bà **T** nhưng đã được tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục, ông **V** đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy việc xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên là đúng quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh không tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự thỏa thuận thời hạn trả nợ vào tháng 02/2024 nên yêu cầu khởi kiện của Công ty trong thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của Công ty, Tòa án nhận định: Ngày 04/05/2023, Công ty Anova F và bà Nguyễn Thị Thu T ký kết Hợp đồng số: 426-ANVF –HĐKT về việc mua bán các loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi mang nhãn hiệu ANOVA FEED với tổng số tiền 128.542.500 đồng. Theo Hợp đồng, Công ty đã giao đủ hàng hóa cho bà T theo đúng số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm quy định.

Đến ngày 30/10/2024 khi trừ các khoản triết khấu và tiền gia đình bà T ông V đã trả công ty thì ông V, bà T còn nợ là 103.002.500 đồng. Ông V cũng thừa nhận như trên là đúng và đồng ý liên đới cùng bà T trả Công ty 103.002.500 đồng. Do ông V, bà T cùng kinh doanh tại nhà ở nên xác định số tiền trên là nợ chung của vợ chồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của Công ty, buộc bà T ông V phải liên đới có nghĩa vụ trả Công ty A 103.002.500 đồng tiền gốc mua thức ăn chăn nuôi. Do Công ty không yêu cầu tiền lãi nên không giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Bà T, ông V phải liên đới có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 288, 430, 433, 436 và 440 Bộ luật dân sự; các Điều 26, 39, 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 2 Điều 33, khoản 2, 3, 4 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Duy V phải liên đới có nghĩa vụ trả Công ty A 103.002.500 đồng (Một trăm lẻ ba triệu hai nghìn năm trăm đồng) tiền gốc mua thức ăn chăn nuôi, không phải trả tiền lãi.

2. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà T, ông V phải liên đới có nghĩa vụ chịu 5.150.125 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty A 2.575.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003616 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 tương ứng với số tiền gốc và thời gian chưa thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Công ty A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T, ông V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự
- TAND T, BN
- VKSNDKV4-BN
- Cục THADS T. BN
- UBND xã Cẩm Lý
- Lưu

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên